

HAI THÀNH PHẦN THÔNG TIN TRONG CÂU HỎI CHÍNH DANH TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ MAI*

TÓM TẮT

Hai thành phần trong cấu trúc thông tin của câu hỏi, tiền giả định ngữ dụng và xác nhận ngữ dụng, phản ánh khá rõ đích ngữ dụng của câu hỏi và trạng thái tinh thần của người hỏi: cái chưa biết muốn được giải đáp và cái nghi ngờ cần được xác định. Trong câu hỏi chính danh, hai thành phần thông tin này được thể hiện rất rõ trên bề mặt câu chữ; trong đó, thông tin xác nhận ngữ dụng bao gồm hai phần: tiêu điểm nghi vấn và tầm tác động nghi vấn.

Từ khóa: câu hỏi, tiền giả định ngữ dụng, xác nhận ngữ dụng, tiêu điểm, tầm tác động.

ABSTRACT

Two informative components in a Vietnamese explicit question

There are two components of information structure in an explicit question, pragmatic presupposition and assertion that clearly reflect question's pragmatic objective and speaker's mental state: the unknown thing needs to be answered, the unclear one needs to be determined. In the explicit question, these informative components are presented on the discourse structure in which the pragmatic assertion includes the interrogative focus and scope.

Keywords: question, pragmatic presupposition, pragmatic assertion, focus, scope.

1. Đặt vấn đề

Cấu trúc thông tin (information structure) là một lí thuyết của chuyên ngành Ngữ dụng học, cho phép nghiên cứu các thể của giao tiếp ngôn ngữ (communicative aspects of language) trong mối quan hệ giữa trạng thái tinh thần (mental state) của nhân vật giao tiếp với các hình thức ngôn ngữ (linguistic form) và những nội dung được thể hiện qua các hình thức đó. Hướng tiếp cận đặt câu trong hoạt động giao tiếp là một hướng nghiên cứu mang tính xã hội rất rõ, phù hợp với quan điểm ngữ pháp chức

năng, vốn nhấn mạnh chức năng ngôn ngữ (function of language) với tư cách là một công cụ phục vụ đặc lực cho hoạt động giao tiếp của con người. Nói đến cấu trúc thông tin là nói đến hai thành phần thông tin mới và cũ, cái có sẵn và cái được thông báo (given information and new information), tức nói đến những tiền đề và những điều được truyền đạt. K.Lambrecht (1994) [9] chia hết thông tin trong câu thành hai thành phần, thông tin tiền giả định ngữ dụng (pragmatic presupposition) và thông tin xác nhận ngữ dụng (pragmatic assertion). Trong đó, thông tin tiền giả định ngữ dụng là thông tin cũ, thông tin có sẵn, là cái mà người nói, trong quá trình giao tiếp, ức

* ThS, Trường Dự bị Đại học TPHCM

đoán rằng nó hiện diện và xác định trong thế giới tinh thần của người nghe. Còn thông tin xác nhận ngữ dụng là thông tin mới (new information), là cái được thông báo trong câu. Thông tin xác nhận ngữ dụng có hai loại, hiển ngôn và hàm ngôn, và chúng phân biệt nhau ở mục đích, mức độ cũng như phương tiện tác động. Thông tin hiển ngôn được thể hiện trên bề mặt câu chữ, thông tin hàm ngôn được suy ra từ thông tin hiển ngôn. Mỗi quan hệ giữa hai loại thông tin này cũng hết sức phức tạp. Cái có thể là mới đối với thông tin hiển ngôn thì lại là cũ đối với thông tin hàm ngôn, ngược lại, cái là mới đối với hàm ngôn thì lại là cũ của hiển ngôn. Thành phần thông tin quan trọng và nổi bật nhất của thông tin xác nhận ngữ dụng là tiêu điểm (focus) thông báo, bao gồm tiêu điểm thông tin mới và tiêu điểm thông tin tương phản. Nhìn chung, tiêu điểm trong câu xác định khá dễ, vì nó nổi bật trên trục kết hợp và trục đối vị so với các yếu tố ngôn ngữ liên quan, được đánh dấu bằng các phương tiện ngôn ngữ như sự nhấn giọng của phát âm, sự sử dụng một số yếu tố từ vựng và sự thay đổi các vị trí các thành phần câu, .v.v. Ngoài ra, nó còn thể hiện được ý định người nói (speaker's intention) và phù hợp với trạng thái tinh thần của người nghe (hearer's mental state). Trong bài viết này, chúng tôi xin được trình bày đặc điểm hai thành phần thông tin trong câu hỏi chính danh tiếng Việt.

2. Thành phần thông tin tiền giả định ngữ dụng và xác nhận ngữ dụng

2.1. Thành phần thông tin tiền giả định ngữ dụng

Thông tin tiền giả định ngữ dụng, chủ yếu là tiền giả định tồn tại và tiền giả định nhận thức, là thông tin cũ, thông tin có sẵn, làm cơ sở cho việc xác định thông tin xác nhận ngữ dụng.

Thông tin tiền giả định khá phong phú, bao gồm thông tin của cả hai thế giới diễn ngôn. Hiểu theo nghĩa rộng, đó là bức tranh chung về thế giới của các nhân vật giao tiếp và bức tranh ấy liên tục được tác động để biến cái không thành có, sai thành đúng, mới thành cũ, .v.v. Hiểu theo nghĩa hẹp, đó là những thông tin được đoán có mặt trong kí ức của nhân vật giao tiếp tại thời điểm nói. Theo cách hiểu thứ hai này, chỉ những yếu tố được xác định trong thế giới tinh thần của nhân vật giao tiếp tại thời điểm phát ngôn mới được xem là thông tin tiền giả định ngữ dụng. Còn những yếu tố nằm trong một vùng giả định hoặc có trong bức tranh chung về thế giới nhưng tạm thời chưa xác định được, có thể do thời gian hoặc trí nhớ, thì không phải là thông tin tiền giả định ngữ dụng.

Mục đích của sự tác động vào bức tranh chung về thế giới của hai nhân vật giao tiếp không có gì nằm ngoài việc thu hẹp độ chênh giữa hai bức tranh ấy và rút ngắn khoảng cách mối quan hệ liên nhân trên trục thân cận. Hai bức tranh chung về thế giới của hai nhân vật giao tiếp phải đồng nhất đến một mức độ nào đó để họ có thể hiểu nhau và cũng phải chênh lệch đến một độ nào đó để người này có đủ năng lực đáp ứng điều người kia muốn, xét ở góc độ thông tin. Một cuộc giao tiếp mà cái gì người này biết cũng là cái người kia biết và ngược lại sẽ là một cuộc

giao tiếp không có kết quả. Dĩ nhiên, sẽ không bao giờ có sự đồng nhất hoàn toàn trong bức tranh về thế giới giữa các nhân vật giao tiếp. Sự chênh lệch này do nhiều yếu tố gây nên, như tuổi tác, trình độ, kinh nghiệm, vốn sống, năng lực tinh thần, tính cách, .v.v. Đứng trước một vấn đề, không kể những vấn đề quá rõ ràng và đơn giản, các nhân vật giao tiếp thường có những cách xử lý khác nhau, tùy thuộc vào năng lực tư duy và kinh nghiệm sống của họ. Kết quả là, những thông tin mà họ thu nhận được từ các vấn đề đó có thể khác nhau, cả về độ nông sâu lẫn về phạm vi rộng hẹp.

Thông tin tiên giả định không chỉ giả định năng lực của người trả lời mà còn thể hiện năng lực của người đặt câu hỏi. Sự thông thái đến từ câu hỏi nhiều hơn từ câu trả lời. Cách tổ chức thông tin trong một câu hỏi thông báo với người nghe rất nhiều về tầm nhận thức, khối kiến thức nền và tính cách của người hỏi. Khi xác lập một mệnh đề cho khung tình thái hỏi, người hỏi bao giờ cũng giả định về khả năng chia sẻ tiên giả định và năng lực đáp ứng thông tin của người trả lời. Một sự giả định tiên giả định không chân thực sẽ dẫn đến một câu hỏi không dùng để hỏi; một giả định không đúng về khả năng trả lời của người nghe sẽ làm câu hỏi không có giá trị. Hỏi để được trả lời, khi không được trả lời thì sự tồn tại của câu hỏi là không có ý nghĩa.

Vì là thông tin cũ, thông tin có sẵn, được cung cấp từ ngữ cảnh, ngôn ngữ hoặc sự thống nhất ngầm của các nhân vật giao tiếp nên thông tin tiên giả định ngữ dụng hoàn toàn có thể tính lược

được. Trong giao tiếp hằng ngày, ta vẫn thường nghe những câu hỏi như: “Xong chưa?”, “Rồi sao nữa?”, “Có tính luôn không?”, “Ai?”, “Sao vậy?”, “Thật không?”, “Vậy hả?”, .v.v. Nếu không được chia sẻ về tiên giả định ngữ dụng, chỉ tình cờ nghe những câu hỏi này, người nghe chắc chắn sẽ thắc mắc: “Cái gì xong chưa?”, “Cái gì sao nữa?/ Có chuyện gì vậy?/ Chuyện gì vậy?/ Gì mà hấp dẫn vậy?”, .v.v.

Nội dung thông tin tiên giả định hầu như không có gì nằm ngoài tính không phi lí của nội dung mệnh đề, tính hiện thực của sự tình và sự tồn tại của đối tượng quy chiếu. Dĩ nhiên, các kiểu câu hỏi chính danh khác nhau sẽ có yêu cầu về thành phần thông tin tiên giả định khác nhau.

- Tính không phi lí của nội dung mệnh đề: Mệnh đề câu hỏi chính danh, với mối quan hệ xác định giữa các thành phần, là một mệnh đề mở, tức để ngỏ cho một sự cam kết về tính tất chân của sự tình. Biến x được xác lập trong nội dung mệnh đề là một biến x có mối quan hệ mật thiết với thành phần thông tin tiên giả định chân thật.

- Tính hiện thực của sự tình: Sự tình được phản ánh trong câu là một sự tình tồn tại của thế giới ngoài diễn ngôn. Nếu sự tình không có thực, điều nêu ra trong câu hỏi sẽ phi lí, mà xét về hiệu quả giao tiếp, đó là những câu hỏi không có giá trị.

- Sự tồn tại của đối tượng quy chiếu: Hỏi về một đối tượng nào thì đối tượng đó hẳn nhiên phải tồn tại. Nếu không, sự giả định không được chia sẻ, và câu hỏi không được chấp nhận.

Một thông tin tiền giả định dụng học chân thực, tuy không giữ vai trò cung cấp thông tin mới nhưng là yếu tố mang tính bắt buộc có của câu hỏi. Để có một câu hỏi chấp nhận được, thành phần thông tin tiền giả định ngữ dụng phải có tỉ trọng thông tin đủ lớn, tính xác định cao, không phi lí và sự giả định đúng.

- Tỉ trọng thông tin đủ lớn, thường là lớn hơn nhiều so với thông tin xác nhận ngữ dụng: Thông tin tiền giả định càng lớn, càng chi tiết thì thông tin xác nhận ngữ dụng càng dễ xác định.

- Tính xác định cao: Nếu thông tin tiền giả định được thể hiện trong một vùng giả định, kiểu như:

(2) • *Cái cô hôm bữa đâu rồi?*

Chắc chắn người nghe luôn phải yêu cầu lùi tiền giả định:

• *Cô nào?*

• *Cô mà bữa anh chở đi ăn cưới đó.*

Và phải xác định thật rõ thông tin tiền giả định thì mới có được một câu trả lời mong muốn:

• *À nhỏ em con bà dì. Nó về quê rồi.*

Không phi lí, nghĩa là nó tồn tại và hiện thực: Nếu cái giả định không tồn tại, không hiện thực thì toàn bộ thông tin trong câu hỏi sẽ phi lí. Khi thông tin cũ không chân thật thì thông tin mới sẽ không có giá trị.

Giả định đúng: Giao tiếp bằng ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở giả định và sự chia sẻ giả định giữa các nhân vật giao tiếp. Nếu thông tin tiền giả định không được chia sẻ, không thống nhất thì Sp2 sẽ không hiểu được hoặc hiểu sai điều mà Sp1 muốn hỏi. Đây cũng là một trong

những nguyên nhân gây ra tình trạng “ông nói gà bà nói vịt”. Dĩ nhiên sự giả định đó phải có một điểm mốc để định vị, tức phải có một hệ quy chiếu làm cơ sở xác định.

2.2. Thành phần thông tin xác nhận ngữ dụng

Thông tin xác nhận ngữ dụng trong câu hỏi chính danh, tức thông tin mới, là một biến x và sẽ là trọng tâm thông báo trong câu trả lời tương ứng. Biến x không chỉ là cái chưa biết, mà theo chúng tôi, còn là cái chưa xác định. Hai trạng thái tinh thần chưa biết và chưa xác định khác nhau. Cái chưa biết là cái chưa có trong bức tranh về thế giới của nhân vật giao tiếp. Cái chưa xác định là cái đã có trong bức tranh về thế giới của nhân vật giao tiếp nhưng tại thời điểm nói, vì một lí do nào đó, người hỏi chưa xác định được. Sự không xác định ấy bao gồm cả xác định biến x, vốn là đối tượng đã biết, được khu biệt trong một phạm vi nhất định, lần xác định thái độ lưỡng lự; phân vân của nhân vật giao tiếp về tính hiện thực hoặc không hiện thực của một sự tình hoặc tham tố sự tình được nói đến. Có thể thấy rõ điều này qua các ví dụ ở (3) và (4) sau đây:

Yêu cầu cung cấp thông tin mới:

(3) • *Té bào là gì?*

• *Cô ấy là ai vậy?*

• *Hôm qua xảy ra chuyện gì?*

Yêu cầu xác định thông tin mới:

(4) • *Chị bị bệnh à?*

• *Hình như anh ấy tính về quê thì phải?*

• *Cậu đi bây giờ hay để ngày mai?*

Thông tin về biến x trong câu hỏi chính danh gồm nhiều loại:

- Trước hết phải kể đến thông tin thực cách sự tình, tức yêu cầu xác định tính hiện thực hay không hiện thực, tồn tại hay không tồn tại của sự tình. Hỏi về thực cách được sử dụng khá phổ biến trong giao tiếp bằng tiếng Việt. Vì trước khi thông tin điều gì, các nhân vật giao tiếp cũng thực hiện thao tác xác định tính hiện thực của thông tin hoặc đối tượng liên quan đến thông tin đó.

- Thứ đến là thông tin cung cấp liên quan đến tham tố và nội dung sự tình, ví như chủ thể hành động, đối thể tiếp nhận, đối tượng hành động, nghiệm thể, nguồn, đích, hành động, trạng thái, tính chất, .v.v. Thông tin mới này có thể được thể hiện trong một tập hợp nhất định và trình bày hiển ngôn trên câu hỏi mà cũng có thể không được thể hiện trong một tập hợp nào.

- Kế tiếp là thông tin mang tính xác nhận. Khi có một sự nghi ngờ, phỏng đoán, người hỏi rất cần sự xác nhận của người nghe. Xác nhận chỉ nằm trên hai cực, hoặc đúng hoặc sai, nhưng giúp cho người hỏi củng cố hoặc điều chỉnh thông tin mà mình đang quan tâm.

(5) • *Liệu có ai làm khó mình không?*

• *Bài này em học rồi, đúng không?*

• *Có phải hôm qua chị sang bên nhà bà Hòa mượn bà ấy tiền?*

Theo đó, phạm vi thể hiện của thông tin biến x có thể chỉ liên quan đến một/nhiều tham tố của sự tình, như:

(6) • *Sáng nay có ai gọi điện cho mẹ không con?*

• *Có ai biết tại sao hôm nay bạn Dung nghỉ học không?*

• *Con về thăm nhà rồi chình nào đi?*

Hoặc đến nội dung sự tình và cả sự tình:

(7) • *Bộ trễ rồi sao?*

• *Chuyện gì vậy cháu?*

Biến x, nói chung, gồm hai thành phần, tiêu điểm nghi vấn và tầm tác động nghi vấn. Trong đó, tiêu điểm nghi vấn được thể hiện bằng các yếu tố nghi vấn như đại từ nghi vấn, tiểu từ tình thái nghi vấn cuối câu, liên từ nghi vấn, các yếu tố mang nghĩa đối lập như “có... không” và các khuôn nghi vấn, .v.v. Còn tầm tác động nghi vấn là phạm vi có hiệu lực của tiêu điểm nghi vấn. Phạm vi của tầm tác động nghi vấn cũng khá rộng, có khi chỉ là một thành phần mệnh đề mà cũng có khi là cả mệnh đề. Có một số cấu trúc hỏi không có tầm tác động nghi vấn, tức thông tin xác nhận ngữ dụng chỉ có tiêu điểm nghi vấn, ngược lại, cũng có nhiều cấu trúc mà ranh giới giữa hai thành phần này được xác định rất rõ ràng.

Ví dụ như câu hỏi sau chỉ có tiêu điểm nghi vấn:

(8) • *Lúc này ai đứng kế bên anh vậy?*

Và có thể nhận được một câu trả lời tình lược như:

• *Anh Long.*

Còn câu hỏi sau đây vừa có tiêu điểm nghi vấn vừa có tầm tác động nghi vấn:

(9) • *Anh có mệt không?*

Tiêu điểm nghi vấn là “có... không” và tầm tác động nghi vấn là “mệt”. Câu này có thể nhận được một câu trả lời tình lược bằng tiêu điểm nghi vấn như:

- *Có/Không.*

Mà cũng có thể nhận một câu trả lời tình lược bằng chính cái tầm tác động nghi vấn như:

- *Mệt/không/không mệt lắm/có mệt gì đâu?*

Tiêu điểm nghi vấn trong câu hỏi chính danh có ba loại, tiêu điểm thông tin mới, tiêu điểm tương phản và tiêu điểm pha tạp (vừa là tiêu điểm mới vừa là tiêu điểm tương phản). Tiêu điểm thông tin pha tạp nổi bật trên trục kết hợp, song lại nằm trong thế đối lập với nhau (nếu nó được thể hiện bằng nhiều yếu tố), hoặc đối lập với các yếu tố trên trục đối vị. Trong câu hỏi:

- (10) • *Anh Long có nhà không?*

Tiêu điểm nghi vấn “có... không” vừa yêu cầu cho biết thực cách của sự tình vừa có giá trị thể hiện sự đối lập giữa khẳng định và phủ định nên được gọi là tiêu điểm pha tạp.

Các loại tiêu điểm này có thể cùng hiện diện trong một câu hỏi và tùy từng trường hợp cụ thể mà tiêu điểm nào đảm nhận vai trò chính, tiêu điểm nào đảm nhận vai trò phụ. Câu hỏi sau đây có hai tiêu điểm:

- (11) • *Có ai biết làm bài này không?*

Câu hỏi sau đây có ba tiêu điểm:

- (12) • *Có ai biết tại sao hôm nay anh Nam vắng mặt không?*

Câu hỏi sau đây có bốn tiêu điểm:

- (13) • *Anh Nam có nói cho ai biết hôm nay anh ấy sẽ đi đâu và làm gì không?*

Và có cả câu hỏi nhiều hơn bốn tiêu điểm:

- (14) • *Đạo này chị làm gì, có khỏe không, sống ở đâu, với ai, có hay về thăm quê không?*

3. Kết luận

Như vậy, có thể nói, trong câu hỏi chính danh, hai thành phần thông tin tiền giả định ngữ dụng và xác nhận ngữ dụng tương ứng hầu như đối với mọi cái cũ và cái mới, cái có sẵn và cái thông báo. Ở đây, chúng tôi quan niệm cái mới và cái thông báo không hẳn là cái chưa biết. Bởi vì hai trạng thái tinh thần chưa biết và chưa xác định là khác nhau, cái mới có thể là cái chưa xác định chứ không hẳn là cái chưa biết, tức nó đã có trong bức tranh chung về thế giới của nhân vật giao tiếp nhưng tại thời điểm nói, vì một lí do nào đó, người nói chưa xác định được.

Mệnh đề được xác lập trong khung tình thái của câu hỏi chính danh phản ánh mong muốn được đáp ứng thông tin về sự tình hoặc tham tố sự tình của người hỏi và hướng đến một mục đích nhất định trong chiến lược giao tiếp cũng như tương tác hội thoại. Việc tổ chức các ngữ đoạn trên trục kết hợp để xác lập một mệnh đề cho câu hỏi chính danh không nằm ngoài mục đích thông tin đến người nghe cái người nói chưa biết, chưa xác định và hiện đang muốn biết. Vì thế, cấu trúc thông tin của một câu hỏi phụ thuộc khá nhiều vào đặc điểm cấu trúc, ngữ nghĩa, ngữ dụng của câu hỏi đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt - Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Cao Xuân Hạo (2006), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng* (quyển 1), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bott, S. (2007), *Information Structure and Discourse Modelling*, University Pompeu Fabra.
4. Chafe, W.L. (1970), *Meaning and the Structure of Language*, Chicago.
5. Halliday, M.A.K. (1991), *An Introduction to Functional Grammar*, Edward Arnold London, New York, Melbourne Auckland.
6. Herman, R. (1989), *Intonation and Discourse Structure*, Ohio State University.
7. Jackendoff, R.S (1972), *Semantic Structure*, Cambridge, Mass: M.I.T. Press.
8. Krifka, M. (2007), *Basic Notion of Information Structure*, Humboldt University.
9. Lambrecht, K. (1994), *Information Structure and Sentence Form*, Cambridge Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 17-01-2011; ngày chấp nhận đăng: 11-11-2011)